

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2018/HSST
Ngày 07-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Thiện Tấn.
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2018/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/HSST-QĐ ngày 29/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn L1, sinh năm 1967 tại tỉnh Hậu Giang; thường trú: Ấp 5B xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: 68/10 khu phố L phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn C, sinh năm 1930 và con bà Nguyễn Thị K (đã chết); có vợ Lý Thị Kim H, sinh năm 1970 và 04 người con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1999); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/10/2017 đến ngày 10/01/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, có mặt.

2. Huỳnh Văn T1, sinh năm 1989 tại tỉnh Hậu Giang; thường trú: Ấp 8 xã A, huyện H, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Lơ xe; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1962 và con bà Trương Thị H, sinh năm 1969; có vợ Lâm Thị D, sinh năm 1993 và 01 con sinh năm 2008; tiền án: Ngày 24/12/2015 Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xử phạt 09 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt 10 tháng tù về tội Đánh bạc theo bản án phúc thẩm số 133 ngày 26/10/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo T1 chấp hành chung hình phạt 01 năm 07 tháng tù theo bản án số 62, ngày 24/9/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/10/2017, có mặt.

3. Trần Văn N1, sinh năm 1995 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp P xã T, huyện M, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; con ông Trần Văn Q, sinh năm 1970 và con bà Ngô Thị C, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/10/2017 đến ngày 10/01/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, có mặt.

4. Lê Nhựt L2, sinh năm 1993 tại tỉnh Sóc Trăng; thường trú: Ấp 5B xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: 68/10 khu phố L phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn L1, sinh năm 1967 và con bà Lý Thị Kim H, sinh năm 1970; có vợ Phan Thị Minh H, sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/10/2017 đến ngày 10/01/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, có mặt.

5. Thị N2 (tên gọi khác:Thị T), sinh năm 1967 tại tỉnh Kiên Giang; thường trú: Ấp B xã Q, huyện Q, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: 13/12A khu phố L phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Không; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; con ông Danh K (đã chết) và con bà Thị Đ; có chồng Danh P, sinh năm 1959 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/10/2017 đến ngày 10/01/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, có mặt.

6. Trần Minh T2, sinh năm 1972 tại tỉnh Hậu Giang; thường trú: 4/194 khu vực 1 phường T, thị xã B, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: 68/10 khu phố L phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông Trần S, sinh năm 1949 và con bà Trần Thị T, sinh năm 1951; có vợ Lê Thị T, sinh năm 1972 và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1996); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/10/2006 Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xử phạt 09 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, ngày 24/2/2014 chấp hành xong hình phạt tù; bị bắt tạm giam ngày 03/10/2017 đến ngày 20/01/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt

7. Lê Văn P, sinh năm 1975 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp T xã P, huyện P, tỉnh An Giang; tạm trú: Tổ 6A khu phố L phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê (cơ khí); trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông Lê Văn P (đã chết) và con bà Huỳnh Thị L (đã chết) có vợ Trần Thị Lục N, sinh năm 1974 và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/10/2017 đến ngày 10/01/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, có mặt.

8. Hồ Văn T3, sinh năm 1981 tại tỉnh An Giang; hộ khẩu thường trú: Không có; tạm trú: 961/9B khu phố L phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Hồ Văn L, sinh năm 1940 và con bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1950; có vợ Lê Thị N, sinh năm 1980 và có 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/10/2017 đến ngày

20/01/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Anh Phạm Hồng N3, sinh năm 1989; thường trú: Ấp 2 xã T thị xã B, huyện M, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Anh Đặng Ngọc U, sinh năm 1989; thường trú: Ấp H xã T huyện M, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Văn L1, Huỳnh Văn T1, Trần Văn N1, Thị N2, Trần Minh T2, Lê Văn P, Hồ Văn T3 quen biết nhau, bị cáo Lê Nhựt L2 là con bị cáo Lê Văn L1. Vào lúc 21 giờ 20 ngày 02/10/2017, bị cáo T1, N1, N2, T2, P và T3 đến nhà bị cáo L1 địa chỉ 68/10 khu phố L phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương chơi tại đây bị cáo L2 rủ T1, N1, Thị N2, T2, P, T3 đánh bài binh xập xám thắng thua bằng tiền, đồng thời nói khi chơi ở đây sẽ bỏ tiền xâu cho L1, tiếp đó L1 lấy 02 bộ bài tây 52 lá có sẵn trong nhà, nhờ người đi mua thêm 10 bộ bài tây 52 lá, lấy 01 hộp nhựa (đựng tiền xâu). Cách thức chơi bài, bộ bài tây 52 lá chia làm 04 tụ bài, mỗi tụ bài có 13 lá bài được xấp xếp theo 3 chi, chi đầu 3 lá bài, 2 chi còn lại mỗi chi 5 lá bài, sau đó người làm cái sẽ so bài của mình với các tụ bài còn lại để xác định thắng, thua. Số tiền đặt mỗi ván bài từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, người làm cái xoay vòng, trong khi đánh bài, bài của ai mậu binh (có tứ quý; 6 đôi; 3 chi thùng hoặc 3 chi sảnh) thắng tất cả các tụ bài còn lại thì phải bỏ ra 20.000 đồng vào hộp nhựa cho L1. Khi chơi bài T1 chơi 01 tụ, N2 với P chơi 1 tụ, N1 và T3 chơi 01 tụ, L2 với T2 chơi 1 tụ. Tất cả đánh bài đến 0 giờ 30 ngày 03/10/2017, Công an thị xã Dĩ An kiểm tra hành chính nhà bị cáo L1 và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các bị cáo.

Vật chứng thu giữ: Tiền trên chiếu bạc 7.900.000 đồng (trong đó có 60.000 đồng tiền xâu trong hộp nhựa); 12 bộ bài tây 52 lá (trong đó có 02 bộ bài đã qua sử dụng); 01 hộp nhựa đựng tiền xâu; 01 chiếc chiếu sợi cói kích thước 160 cm x 160 cm. 4.500.000 đồng tiền trong người các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc:

- Huỳnh Văn T1 sử dụng 3.600.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi thua 300.000 đồng, khi bắt giữ thu giữ 3.300.000 đồng trên chiếu bạc

- Lê Văn P mang theo 1.500.000 đồng và sử dụng 200.000 đồng cùng với Thị N2 sử dụng 1.300.000 đồng đánh bạc, khi chơi P và N2 thắng 800.000 đồng, P, N2 bỏ tiền xâu cho L1 40.000 đồng. Khi bị bắt thu giữ số tiền 1.300.000 đồng trong người P, thu giữ trên chiếu bạc 200.000 đồng của P, thu giữ trên chiếu bạc của N2 2.060.000 đồng.

- Lê Nhựt L2 sử dụng 4.800.000 đồng để đánh bạc, Trần Minh T2 sử dụng 500.000 đồng và hùn với L2 để đánh bạc, khi chơi L2, T2 thua 500.000 đồng, L2,

T2 bỏ tiền xâu cho L1 20.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trên chiếu bạc 480.000 đồng thu trong người của L2 4.300.000 đồng.

- Hồ Văn T3 sử dụng 1.000.000 đồng, Trần Văn N1 sử dụng 1.000.000 đồng và hùn với T3 đánh bạc. T3, N1 không thắng không thua, khi bắt giữ thu giữ T3, N1 2.000.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc 12.400.000 đồng.

Đối với số tiền 1.300.000 đồng của bị cáo Lê Văn P không sử dụng đánh bạc, Công an thị xã Dĩ An đã trả lại cho bị cáo P.

Cáo trạng số 33/CT/VKS ngày 18/1/2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Lê Văn L1, Huỳnh Văn T1, Trần Văn N1, Lê Nhựt L2, Thị N2, Trần Minh T2, Lê Văn P và Hồ Văn T3 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T1 từ 4 tháng 4 ngày đến 6 tháng tù.

Khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1 điều 31 và Điều 53 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn L1 từ 9 tháng 21 ngày đến 12 tháng tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Trần Văn N1 từ 9 tháng 21 ngày đến 12 tháng tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Lê Nhựt L2 từ 9 tháng 21 ngày đến 12 tháng tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Thị N2 từ 9 tháng 21 ngày đến 12 tháng tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Trần Minh T2 từ 10 tháng 21 ngày đến 12 tháng tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Lê Văn P từ 9 tháng 21 ngày đến 12 tháng tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Hồ Văn T3 từ 10 tháng 21 ngày đến 12 tháng tháng cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ nhà nước 12.400.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy: 12 bộ bài tây 52 lá (có 02 bộ đã qua sử dụng); 01 chiếc chiếu kích thước 160cm x 160cm; 01 hộp nhựa

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Lê Văn L1 biết việc mình làm là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án để bị cáo sửa chữa bản thân.

Bị cáo Hồ Văn T3: Biết việc mình làm là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ân hận, bị cáo hứa sẽ không tái phạm nữa. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án.

Các bị cáo Huỳnh Văn T1, Trần Văn N1, Lê Nhựt L2, Thị N2, Trần Minh T2, Lê Văn P không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo Huỳnh Văn T1, Trần Văn N1, Lê Nhựt L2, Thị N2, Trần Minh T2, Lê Văn P và Hồ Văn T3 thừa nhận việc các bị cáo chơi đánh bạc bằng hình thức chơi bài binh xập xáp thắng thua bằng tiền vào tối ngày 02 và rạng sáng ngày 3/10/2017 tại nhà bị cáo L1 địa chỉ 68/10 khu phố L, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương. Các bị cáo đã sử dụng số tiền để đánh bạc: T1 sử dụng 3.600.000 đồng; N1 sử dụng 1.000.000 đồng; L2 sử dụng 4.800.000 đồng; Thị N2 sử dụng 1.300.000 đồng; T2 sử dụng 500.000 đồng; P sử dụng 200.000 đồng; T3 sử dụng 1.000.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc 12.400.000 đồng. Bị cáo L1 không tham gia đánh bạc nhưng là người đồng ý cho bị cáo T1, N1, L2, Thị N2, T2, P và T3 đánh bạc tại nhà mình, bị cáo cung cấp bài 52 lá cho các bị cáo và thỏa thuận các bị cáo đánh bài phải bỏ tiền xâu cho bị cáo.

Tại Điều 248 Tội Đánh Bạc, Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Như vậy, hành vi cung cấp bài của bị cáo L1, việc L1 lấy tiền xâu khi các bị cáo đánh bài tại nhà L1, hành vi các bị cáo T1, N1, L2, Thị N2, T2, P và T3 sử dụng số tiền 12.400.000 đồng vào việc đánh bài thắng thua bằng tiền đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc. Bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 18/1/2018 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng tại địa phương. Hiện nay, tình trạng đánh bạc trái pháp luật vẫn còn diễn biến phức tạp trong cộng đồng dân cư, tính chất mức độ ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa của nhân dân, trật tự văn minh của xã hội. Đánh bạc được xem là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm hình sự khác. Do vậy, hành

vi trên của các bị cáo phải được xét xử nghiêm mới có tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xem xét các bị cáo có những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân như sau để có mức hình phạt phù hợp đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Huỳnh Văn T1 chưa được xóa án tích tại bản án số 62 ngày 24/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Các bị cáo Lê Văn L1, Trần Văn N1, Thị N2, Trần Minh T2, Lê Văn P, Hồ Văn T3 và Lê Nhựt L2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Văn L1, Trần Văn N1, Thị N2, Trần Minh T2, Lê Văn P, Hồ Văn T3 và Lê Nhựt L2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Huỳnh Văn T1 thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo L1, N1, Thị N2, P, T3 và L2 có nhân thân tốt, thể hiện việc các bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo T1, T2 có nhân thân xấu thể hiện việc đã có tiền án (bị cáo T1), bị cáo T2 đã được xóa án tích 9 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo T1, T2 sau khi chấp hành xong hình phạt tù về hòa nhập cộng đồng tiếp tục phạm tội thể hiện sự không hướng thiện của bản thân cũng như việc chấp hành pháp luật.

[5] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn do không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo, các bị cáo tham gia với vai trò người thực hành.

Các bị cáo Lê Văn L1, Trần Văn N1, Thị N2, Trần Minh T2, Lê Văn P, Hồ Văn T3 và Lê Nhựt L2 phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng có tác dụng giáo dục, đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Xét các bị cáo đều là thành phần lao động chính trong gia đình, là người làm thuê, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định khấu trừ một phần thu nhập khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo theo khoản 3 Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đối với bị cáo Huỳnh Văn T1 phải áp dụng hình phạt tù, cũng như áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo thể hiện sự nghiêm khắc của pháp luật.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 12.400.000 đồng; 12 bộ bài tây 52 lá (trong đó có 02 bộ bài đã qua sử dụng); 01 hộp nhựa đựng tiền xâu; 01 chiếu sợi cói kích thước 160 cm x 160 cm. Đối với tiền thu giữ cần tịch thu sung quỹ nhà nước, đối với vật chứng còn lại cần tịch thu tiêu hủy

[7] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, việc xử lý vật chứng cũng như mức hình phạt đối với các bị cáo. Quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, do vậy được chấp nhận. Riêng đối với bị cáo T1 ngoài xử phạt tù cần xử phạt bổ sung bằng tiền với bị cáo thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[8] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L1, Huỳnh Văn T1, Trần Văn N1, Thị N2 (tên gọi khác: Thị T), Trần Minh T2, Lê Văn P, Hồ Văn T3 và Lê Nhựt L2 phạm tội Đánh bạc.

1.1 Căn cứ khoản 1, 3 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T1 04 (bốn) tháng 04 (bốn) ngày tù, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 03/10/2017 đến ngày 07/2/2018. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Xử phạt bổ sung bằng tiền bị cáo Huỳnh Văn T1 10.000.000đồng (mười triệu đồng).

Căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Huỳnh Văn T1 ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo T1 không bị tạm giữ, bắt tạm giam về một tội phạm nào khác

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 248, Điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 31 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L1 09 (chín) tháng 21 (hai mươi một ngày) cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam 03 (ba) tháng 07 (bảy) ngày tương đương 09 (chín) tháng 21 (hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

1.3 Căn cứ khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 31 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N1 09 (chín) tháng 21 (hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam 03 (ba) tháng 07 (bảy) ngày tương đương 09 (chín) tháng 21 (hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ

1.4 Căn cứ khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 31 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lê Nhựt L2 09 (chín) tháng 21 (hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam 03 (ba) tháng 7 (bảy)

ngày tương đương 09 (chín) tháng 21 (hai một) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ

1.5 Căn cứ khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 31 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Thị N2 (tên gọi khác: Thị T) 09 (chín) tháng 21 (hai một) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam 03 (ba) tháng 7 (bảy) ngày tương đương 09 (chín) tháng 21 (hai một) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ

1.6 Căn cứ khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 31 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T2 10 (mười) tháng 21 (hai một) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam 03 (ba) tháng 17 (mười bảy) ngày tương đương 10 (mười) tháng 21 (hai một) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ

1.7 Căn cứ khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 31 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lê Văn P 09 (chín) tháng 21 (hai một) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam 03 (ba) tháng 7 (bảy) ngày tương đương 09 (chín) tháng 21 (hai một) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ

1.8 Căn cứ khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 31 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn T3 10 (mười) tháng 21 (hai một) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam 03 (ba) tháng 17 (mười bảy) ngày tương đương 10 (mười) tháng 21 (hai một) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Điều 89, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Tịch thu sung quỹ nhà nước 12.400.000 đồng (mười hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy: 12 bộ bài tây 52 lá (có 02 bộ đã qua sử dụng); 01 hộp nhựa, 01 chiếu chiếu bằng sợi cói, kích thước 160cm x 160 cm.

Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/01/2018, biên lai thu tiền số 00710 ngày 25/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Các bị cáo Lê Văn L1, Huỳnh Văn T1, Trần Văn N1, Thị N2, Trần Minh T2, Lê Văn P, Hồ Văn T3 và Lê Nhựt L2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh